

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ QUANG  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 30 - 01 - 2018  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ QUANG, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nghiêm Khắc Cẩn**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Nguyễn Xuân Hiệu**

2. Bà: **Phạm Thị Thanh Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Song Hào** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hữu Đồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 25/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị G**; cư trú tại thôn 7, xã S, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Phan H** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Sở tư pháp, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Hồng Q** (còn gọi Lê Minh Q); cư trú tại thôn 7, xã S, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam** (viết tắt là NHNN)

Anh **Lê Đình K** – Phó Giám đốc NHNN Chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Tĩnh là người đại diện theo ủy quyền tại văn bản số 510 ngày 19/6/2014 của NHNN và văn bản ngày 22/11/2017 của NHNN Chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị G trình bày như sau:*

Chị G và anh Lê Hồng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13 tháng 3 năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng có con chung là Lê N, sinh ngày 03/8/2008. Từ năm 2009 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng 7/2017 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau và anh Q đã nhiều lần đánh đập chị G. Sự việc đã được gia đình hai bên cũng như thôn xóm khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị G thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc cho tương lai nên đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Hồng Q.

Về quan hệ con cái: Chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Lê N, sinh ngày 03/8/2008 và yêu cầu anh Lê Hồng Q đóng góp phí tổn nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản vay của NHNN 30.000.000 đồng theo thỏa thuận tại sổ vay vốn BH 121867, ngày 25/05/2012 và phụ lục hợp đồng kèm theo, chị G cho rằng đó là khoản nợ riêng của anh Q, chị không có trách nhiệm trả vì khi anh Q vay tiền chị G không biết và số tiền anh Q vay cũng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình.

*Bị đơn anh Lê Hồng Q trình bày tại các bản khai như sau:*

Về xác lập quan hệ hôn nhân như trình bày của chị Phan Thị G. Tuy nhiên, việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là cũng do chị G hay nói khi anh có uống chén rượu và thừa nhận thỉnh thoảng anh có đánh đập chị G. Nay chị G có yêu cầu ly hôn, anh có ý kiến muốn quay về đoàn tụ. Trường hợp không đoàn tụ được thì anh chấp nhận ly hôn, còn về:

Quan hệ con cái: Anh Q yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung vợ chồng: Anh Q nhất trí như ý kiến chị G là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khoản vay của NHNN 30.000.000 đồng theo thỏa thuận tại sổ vay vốn BH 121867, ngày 25/05/2012 và phụ lục hợp đồng kèm theo, anh Q thừa nhận là khoản nợ riêng của mình và đồng ý tự mình có trách nhiệm trả cho NHNN vì khi vay tiền anh không được sự đồng ý của chị G, số tiền vay không sử dụng vào mục đích chung của gia đình.

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2017 và các bản khai, Đại diện theo ủy quyền của NHNN trình bày như sau:*

Ngày 25/5/2012, anh Lê Hồng Q có vay của NHNN số tiền 30.000.000 đồng theo thỏa thuận tại sổ vay vốn BH 121867, ngày 25/05/2012 và phụ lục hợp đồng kèm theo. Từ thời điểm vay đến nay, anh Q mới chỉ trả được số tiền lãi tính đến ngày 07/3/2014 là 8.277.501 đồng. Vì vậy, NHNN yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Lê Hồng Q và chị Phan Thị G phải trả tiền nợ tổng số tiền là 50.880.000 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 30.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 29/11/2017, tiền lãi trong hạn là 14.700.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.180.000 đồng. Tuy nhiên, khi được Tòa án tiến hành công khai tài liệu, chứng của đương sự thì đại diện NHNN đồng ý để anh Lê Hồng Q trả nợ toàn bộ khoản vay nói trên.

Tại phiên tòa, chị G nộp đơn xin miễn án phí của vợ, chồng; bản trình bày của anh Q và thay đổi yêu cầu buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (theo yêu cầu ban đầu là 1.000.000 đồng) với lý do thấy anh Q có thu nhập thấp, không có việc làm ổn định. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu và ý kiến đề nghị của chị Phan Thị G. Đại diện NHNN giữ nguyên yêu cầu, không có ý kiến gì khác ý kiến ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Quá trình thụ lý vụ án đến nay, Tòa án tuân thủ đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phan Thị G ly hôn anh Lê Hồng Q.

Giao con chung của vợ chồng là Lê N, sinh ngày 03/8/2008 cho chị Phan Thị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Lê Hồng Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 400.000 đến 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không xét yêu cầu về tài sản chung vợ chồng.

Áp dụng Khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh Lê Hồng Q phải trả cho NHNN tổng số tiền là 50.880.000 đồng ( bao gồm tiền gốc. lãi trong hạn, lãi quá hạn) và tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi trả hết nợ.

Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Hồng Q và chị Phan Thị G.

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị G và cho NHNN số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của chị Phan Thị G xin ly hôn anh Lê Hồng Q là quan hệ pháp luật “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[3] Xét việc thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của chị G từ 1.000.000 đồng xuống còn 500.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật TTDS nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu độc lập của NHNN về buộc chị Phan Thị G và anh Lê Hồng Q (còn gọi Lê Minh Q) trả nợ tổng số tiền là 50.880.000 đồng được đưa ra trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử chấp nhận thụ lý, xét xử trong cùng vụ án theo quy định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị Phan Thị G và anh Lê Hồng Q là hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng kéo dài dẫn đến sống ly thân nhau là do tính tình không hợp nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau và anh Q đã nhiều lần đánh đập chị G. Tuy sự việc đã được gia đình hai bên cũng như địa phương khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng anh Q, chị G ngày càng trầm trọng mà không có dấu hiệu cải thiện. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Q và chị G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không đạt được mục đích của hôn nhân và anh Q nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình nên cần áp dụng điều 51, 56, 57 của luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phan Thị G ly hôn anh Lê Hồng Q.

[6] Về quan hệ con cái: Xét chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Lê N, sinh ngày 03/8/2008 và nguyện vọng của con cũng muốn được ở với chị G. Mặt khác, anh Q không có việc làm, thu nhập không ổn định lại thường xuyên rượu chè nên không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do đó, cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung của vợ chồng cho chị Phan Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hồng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về quan hệ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét mức thu nhập, khả năng thực tế của anh Q và nhu cầu thiết yếu của con, Hội đồng xét xử thấy anh Q làm nghề trông trọt nhưng sống chủ yếu dựa vào lao động làm thuê, không ổn định, có thu nhập thấp, trung bình mỗi tháng được khoảng 1.000.000 đồng. Còn việc bảo đảm nhu cầu thiết yếu của con cũng phụ thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của cha mẹ. Vì vậy, cần căn cứ vào các Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị G buộc anh Lê Hồng Q phải cấp dưỡng nuôi

con chung hàng tháng, mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[8] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về quan hệ vay nợ: Xét khoản vay 30.000.000 đồng của NHNN theo thỏa thuận tại sổ vay vốn BH 121867, ngày 25/05/2012 và phụ lục hợp đồng kèm theo là khoản vay anh Q tự mình đi vay, không được sự đồng ý của chị G, không vì nhu cầu của gia đình nên cần xác định khoản vay nói trên là nợ riêng của anh Lê Hồng Q. Theo thỏa thuận giữa NHNN và anh Q thì đến ngày 25/05/2014, anh Q có nghĩa vụ phải trả hết nợ gốc và lãi cho NHNN nhưng anh Q chỉ mới trả được là 8.277.501 đồng tiền lãi tính đến ngày 07/3/2014. Do đó, yêu cầu của NHNN buộc anh Lê Hồng Q phải trả nợ vay tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2017 là 50.880.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn tạm tính từ ngày 08/3/2014 đến ngày 29/11/2017 là 14.700.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 26/5/2014 đến ngày 29/11/2017 là 6.180.000 đồng là không vượt quá mức lãi suất trong hạn theo thỏa thuận và mức lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình buộc anh Lê Hồng Q trả nợ toàn bộ khoản vay cho NHNN là phù hợp.

[10] Về án phí: Xét chị G là đối tượng tàn tật nặng; anh Q, chị G là gia đình thuộc diện hộ nghèo có đơn xin được miễn nộp toàn bộ án phí nên căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Q, chị G và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị G. Yêu cầu độc lập của NHNN được chấp nhận toàn bộ nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

[11] đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 3 Điều 45, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị G ly hôn anh Lê Hồng Q (còn gọi Lê Minh Q)

- Về quan hệ con chung: Giao con chung của vợ chồng là Lê N, sinh ngày 03/8/2008 cho chị Phan Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hồng Q (còn gọi Lê Minh Q) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về quan hệ cấp dưỡng: Buộc anh Lê Hồng Q (còn gọi Lê Minh Q) có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung là Lê N, sinh ngày 03/8/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Về quan hệ vay nợ: Buộc anh Lê Hồng Q (còn gọi Lê Minh Q) phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 50.880.000 (năm mươi triệu tám trăm tám mươi ngàn ) đồng, trong đó tiền nợ gốc 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, tiền lãi suất trong hạn 14.700.000 (mười bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng và tiền lãi suất quá hạn là 6.180.000 (sáu triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng tính đến ngày 29/11/2017 và tiếp tục phải chịu lãi suất theo sổ vay vốn số BH 121867, ngày 25/05/2012 và phụ lục hợp đồng kèm theo kể từ ngày 30/11/2017 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

- Về án phí:

+ Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Hồng Q(còn gọi Lê Minh Q) và chị Phan Thị G.

+ Hoàn trả cho chị Phan Thị G nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0000011 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Hà Tĩnh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.200.000 (hai triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2016/ 0000015 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS;
- Chi cục THADS;
- Đường sự;
- UBNDX nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP.

**Nghiêm Khắc Cẩn**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Xuân Hiệu    Phạm Thị Thanh Minh    Nghiêm Khắc Cẩn**